TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2025/DS-ST
Ngày: 28-11-2025
"V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Phương

2. Ông Nguyễn Văn Út

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương - Thư ký TAND khu vực 6 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 546/2025/TLST-DS ngày 20/10/2025 về "tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2025/QĐXXST-DS ngày 14/11/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Hà Lệ T, sinh năm 1969;

2. Ông Phạm Thanh T, sinh năm: 1965;

Cùng địa chỉ: Ấp 8, xã L, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:*

1. Chị Ngô Thị Bích Tr, sinh năm: 2002;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Tr: Bà Phạm Thị P, sinh năm: 1978.

2. Anh Ngô Trọng N, sinh năm: 2009;

Người đại diện theo pháp luật của anh N: Bà Phạm Thị P, sinh năm: 1978 (mẹ của anh N).

Cùng địa chỉ: Ấp 8, xã L, tỉnh Tây Ninh.

(Bà T, Ông T có mặt; bà Phượng yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2025, ngày 14/10/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Bà Hà Lệ T và Ông Phạm Thanh T trình bày:

Vợ chồng ông bà với ông Ngô Văn C là người ở cùng địa phương, đồng thời có bà con họ hàng với nhau. Vào ngày 13/10/2024, ông Ngô Văn C có đến gặp vợ chồng ông bà để vay tiền xoay sở công việc gia đình, vì là người quen biết nên vợ chồng ông bà đồng ý cho vay. Cụ thể, ông C vay của vợ chồng ông bà số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay ba tháng, hai bên có làm giấy mượn tiền ngày 13/10/2024 và ông C ký nhận nợ. Khi vay tiền, ông C giao cho vợ chồng ông bà 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0180090 và K194230 đều do ông C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo số tiền vay.

Sau khi vay tiền ông C không trả tiền gốc và lãi nào cho vợ chồng ông bà như đã thỏa thuận. Đến ngày 12/03/2025, ông C lại tiếp tục hỏi vay thêm số tiền 70.000.000 đồng để lo công việc gia đình và hứa khi nhận được tiền bán đất sẽ trả lại ngay và đầy đủ tất cả gốc, lãi. Do vợ chồng ông bà có biết việc ông C đang bán đất và chưa được nhận đủ tiền, đang gặp khó khăn về tiền bạc để xoay sở nên vợ chồng ông bà đã đồng ý cho ông C vay thêm số tiền 70.000.000 đồng. Đến ngày 21/5/2025, ông C cũng năn nỉ vợ chồng ông bà vay thêm 10.000.000 đồng nữa và hứa sẽ trả lại ngay, bao gồm đủ cả tiền gốc và lãi vì người mua đất đã hẹn giao tiền cho ông C, vợ chồng ông bà nghe ông C nói vậy thì cũng đồng ý đưa thêm tiếp cho ông C 10.000.000 đồng. Do đó, tổng cộng ông C đã vay của vợ chồng ông bà là 230.000.000 đồng.

Đến ngày 29/05/2025, vợ chồng ông bà nghe tin ông Ngô Văn C tự tử chết. Vợ chồng ông bà được biết vợ chồng ông C đã ly hôn vào ngày 28/4/2020, hiện con của ông C bao gồm Ngô Thị Bích Tr và Ngô Trọng N, cha mẹ của ông C đã chết từ rất lâu. Theo quy định của pháp luật hàng thừa kế thứ nhất của ông C phải thực hiện nghĩa vụ của ông C trong phạm vi tài sản của ông C. Do đó, vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Ngô Thị Bích Tr và anh Ngô Trọng N (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C) thực hiện nghĩa vụ người do người chết để lại (nghĩa vụ của ông C) trả cho vợ chồng ông bà số tiền ông C

còn nợ gốc là 230.000.000 đồng và tiền lãi là 23.350.000 đồng. (Số tiền lãi được tính như sau: Đối với số tiền 150.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 13/10/2024 đến ngày 13/10/2025 là 12 tháng với mức lãi suất 1%/tháng = 18.000.000 đồng; Đối với số tiền 70.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 12/3/2025 đến ngày 13/10/2025 là 07 tháng với mức lãi suất 1%/tháng = 4.900.000 đồng; Đối với số tiền 10.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 21/5/2025 đến ngày 13/10/2025 là 4,5 tháng với mức lãi suất 1%/tháng = 450.000 đồng; Tổng cộng tiền lãi là 23.350.000 đồng).

Đối với 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông C giao cho vợ chồng ông bà khi vay tiền thì hiện nay vợ chồng ông bà vẫn đang giữ, cam kết không cầm cố và thế chấp cho ai. Vợ chồng ông bà giữ 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C là để đảm bảo cho khoản vay. Nay quan hệ vay mượn giữa vợ chồng ông bà và ông C đã được Tòa án giải quyết nên vợ chồng ông bà tự nguyện đồng ý trả lại 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các con của ông C theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2025, bà Phạm Thị P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Ngô Thị Bích Tr và là người đại diện theo pháp luật của bị đơn anh Ngô Trọng N trình bày: Bà và ông Ngô Văn C trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo Bản án số 19/2020/HNGĐ – ST ngày 28/4/2020. Giữa bà và ông C có hai người con chung là Ngô Thị Bích Tr và Ngô Trọng N, cha mẹ ông C đã chết từ rất lâu. Khi còn sống ông C có vay mượn tiền của Bà Hà Lệ T hay không thì các con của ông C cũng không biết được. Vợ chồng Bà T đã xuất trình tài liệu chứng cứ là Giấy mượn tiền ngày 13/10/2024 trong đó có mục người mượn có chữ ký tên Chệt, có dấu lăn tay và chữ ghi họ tên Ngô Văn C thì bà không xác định được đó có phải là chữ ký tên, dấu vân tay và chữ ghi họ tên của ông C hay không nhưng bà có biết khi còn sống thì ông C cũng thường xuyên vay mượn tiền của Bà T, vay mượn số tiền cụ thể như thế nào thì bà không biết. Bà không có ý kiến đối với tài liệu chứng cứ mà vợ chồng Bà T cung cấp. Do bà không xác định được sự việc vay mượn của vợ chồng Bà T và ông C nên bà có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện như sau: hiện tài sản của ông C có nhưng bà không xác định được gồm những gì nên các con ông C là chị Tr và anh N đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Bà T và Ông T đối với khoản tiền vay 230.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật trong phạm vi tài sản của ông C để lại. Sau này cơ quan Thi hành án Dân sự tiến hành xác minh tài sản của ông C còn tài sản nào thì sử dụng tài sản đó để thực hiện nghĩa vụ cho Bà T và Ông T. Đối với 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 194230 và số AO 180090 ông C đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện Bà T đang giữ thì bà không có ý kiến hay

yêu cầu gì, việc vợ chồng Ông T, Bà T tự nguyện trả lại GCNQSDĐ cho các con bà thì bà đồng ý.

Bà Phượng có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 463, 466, 468, 470, 615 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc Ngô Thị Bích Tr, Ngô Trọng N có nghĩa vụ trả cho Bà Hà Lệ T, Ông Phạm Thanh T số tiền 230.000.000 đồng và số tiền lãi 23.350.000 đồng và tiền lãi cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trong phạm vi di sản mà ông C để lại.

Về án phí: bị đơn chịu án phí theo quy định trong phạm vi di sản mà ông C để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Hà Lệ T, Ông Phạm Thanh T yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngô Văn C là chị Ngô Thị Bích Tr và anh Ngô Trọng N phải thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ mà ông Ngô Văn C đã vay của Bà T và Ông T, ông Ngô Văn C đã chết ngày 29/5/2025 (theo trích lục khai tử số 389/GKT-TL ngày 11/11/2025 do UBND xã L cung cấp) nên xác định đây là tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Bị đơn chị Ngô Thị Bích Tr và anh Ngô Trọng N có nơi cư trú tại ấp 8, xã L, tỉnh Tây Ninh nên khi Bà T, Ông T khởi kiện thì Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Ngô Thị Bích Tr và là người đại diện theo pháp luật của bị đơn anh Ngô Trọng N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị P.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn Bà Hà Lệ T, Ông Phạm Thanh T khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngô Văn C là chị Ngô Thị Bích Tr và anh Ngô Trọng N phải thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ mà ông Ngô Văn C đã vay của Bà T và Ông T, cụ thể tiền gốc là 230.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả từ lúc vay tiền đến ngày 13/10/2025 với mức lãi suất 1%/tháng tổng số tiền lãi là 23.350.000 đồng.

[3.2] Ông C chết ngày 29/5/2025. Cha mẹ ruột của ông C là bà Hà Thị Giám chết ngày 19/9/2005 và ông Ngô Văn Có chết ngày 20/3/2006. Ông C và bà Phạm Thị P đã ly hôn theo Bản án số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 28/4/2020 của TAND huyện Cần Đước. Từ đó xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông C gồm 02 con của ông C là chị Ngô Thị Bích Tr và anh Ngô Trọng N.

[3.3] Xét thấy: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là "Giấy mượn tiền" thể hiện ngày 13/10/2024 ông C vay 150.000.000 đồng, ngày 12/3/2025 vay 70.000.000 đồng và ngày 21/5/2025 vay 10.000.000 đồng, phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn; Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2025, bà Phượng (là người đại diện theo ủy quyền của chị Tr và là người đại diện theo pháp luật của anh N) cũng đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 230.000.000 đồng mà ông C nợ nguyên đơn và tiền lãi theo quy định pháp luật trong phạm vi di sản mà ông C để lại nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 230.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[3.4] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Theo nội dung Giấy mượn tiền đã ký giữa Bà T, Ông T và ông C thì đây là hợp đồng vay tài sản có lãi. Theo đó, các bên có thỏa thuận lãi hàng tháng là 2%/tháng tương ứng với mức lãi suất 24%/năm, mức lãi suất này cao hơn so với mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Tuy nhiên, hiện tại, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lãi trên nợ gốc với lãi suất 1%/tháng, tương đương là 12%/năm là phù hợp Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật và có căn cứ chấp nhận.

[3.5] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 6 – Tây Ninh.

[3.6] Đối với việc vợ chồng Ông T, Bà T đang giữ bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C: Hội đồng xét thấy, khoản vay giữa vợ chồng Ông T, Bà T và ông C đã được giải quyết bằng bản án nên Ông T, Bà T tự nguyện đồng ý trả lại 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hàng thừa kế của ông C là phù hợp cần ghi nhận.

[4] Về án phí: những người thừa kế của ông Ngô Văn C gồm chị Ngô Thị Bích Tr, anh Ngô Trọng N phải chịu án phí trong phạm vi di sản của ông Ngô Văn C để lại.

[5] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện "tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" giữa Bà Hà Lệ T, Ông Phạm Thanh T với chị Ngô Thị Bích Tr, anh Ngô Trọng N.

Buộc những người thừa kế của ông Ngô Văn C gồm chị Ngô Thị Bích Tr, anh Ngô Trọng N phải có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng Bà Hà Lệ T, Ông Phạm Thanh T số tiền nợ vay vốn và lãi là 253.350.000 (*hai trăm năm mươi ba triệu, ba trăm năm mươi nghìn*) đồng. Nghĩa vụ trả nợ của những người thừa kế của ông Ngô Văn C được thực hiện trong phạm vi di sản của ông Ngô Văn C để lại.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghĩa vụ trả tiền lãi của những người thừa kế của ông Ngô Văn C được thực hiện trong phạm vi di sản của ông Ngô Văn C để lại.

3. Ghi nhận việc vợ chồng Ông Phạm Thanh T, Bà Hà Lệ T đồng ý có nghĩa vụ trả lại 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số K194230 do UBND huyện Cần Đước cấp ngày 07/3/1997 và số A0180090 do UBND huyện Cần Đước cấp ngày 31/12/2008 cho ông Ngô Văn C) cho chị Ngô Thị Bích Tr và anh Ngô Trọng N.

Trường hợp người phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Ngô Thị Bích Tr, anh Ngô Trọng N phải chịu 12.667.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được thực hiện trong phạm vi di sản của ông Ngô Văn C để lại. Hoàn lại cho vợ chồng Ông Phạm Thanh T, Bà Hà Lệ T tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.333.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0008431 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trang